TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG BÔNG** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 13/5/2019

V/v: "Chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân sau khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*:** Bà Trương Thị Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Nga: Phó chủ tịch Hội luật gia huyện
- Bà Hà Thị Huyền: Phó chủ tịch Hội phụ nữ huyện

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Nga – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Bông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Thanh – Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đăk Lăk xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 133/2018/TLST-HN&GĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018 về việc "Chia tài sản chung sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25/4/2019 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn***: Chị Nguyễn Thị Thùy Ng, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã DK, huyện KB, tỉnh Đăk Lăk

**** Bị đơn***: Anh Nguyễn Cơ S, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã DK, huyện KB, tỉnh Đăk Lăk

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/11/2018 cũng như trong quá trình tố tụng, nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Thùy Ng trình bày như sau:

Chị và anh Nguyễn Cơ S là vợ chồng nhưng đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 61/2018/QĐST-HNGĐ ngày 03/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đăk Lăk. Khi giải quyết ly hôn, ngoài sự thỏa thuận về quan hệ hôn nhân, con chung, án phí thì chị và anh Nguyễn Cơ S còn thống nhất sẽ tự thỏa thuận phân chia về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên, sau khi ly hôn hai bên không thỏa thuận được việc phân chia tài sản chung. Do vậy, chị làm khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng.

Trong quá trình chung sống với nhau, chị và anh S đã tạo dựng được những tài sản chung sau: hai thửa đất, hai căn nhà xây cấp 4; các công trình trên hai thửa đất và các tài khác như xe mô tô, bàn ghế, tủ, giường, …….. Tuy nhiên, chị chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia hai thửa đất, hai căn nhà trên hai thửa đất, cụ thể như sau:

- Thửa đất số 1**:** Tại thôn A, xã DK, huyện KB, tỉnh Đăk Lăk, tờ bản đồ số 03, thửa đất số 301, chiều ngang 7m, chiều dài 50m, có tổng diện tích 350m^2 (trong đó đất ở 80m^2 và đất màu 270m^2), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 958746 do UBND huyện KB cấp ngày 12/02/2007 cho hộ ông Nguyễn Cơ S và bà Nguyễn Thị Thùy Ng. Tài sản trên đất là một ngôi nhà xây cấp 4, xây dựng năm 2008, có diện tích 6m x 12m = 72m^2, đất có tứ cận:

+ Phía Đông và phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Đức Th;

+ Phía Nam giáp đất ông Nguyễn Văn T;

+ Phía Tây giáp tỉnh lộ 9;

Cùng các tài sản khác gắn liền trên đất.

- Thửa đất số 2: Tại thôn A, xã DK, huyện KB, tỉnh Đăk Lăk. Tờ bản đồ số 03, thửa đất số 459, chiều ngang 6m, chiều dài 35m, diện tích 210m^2 (trong đó đất ở 60m^2 và đất màu 150m^2), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 665 951 do UBND huyện cấp ngày 28/01/2016 cho hộ ông Nguyễn Cơ S và bà Nguyễn Thị Thùy Ng. Tài sản trên đất là một ngôi nhà xây cấp 4 được xây dựng năm 2016, diện tích 5m x 12m = 60m^2, đất có tứ cận:

+ Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Thành L;

+ Phía Nam giáp đất ông Nh;

+ Phía Tây giáp đường tỉnh lộ 9;

+ Phía Bắc giáp đất ông Lâm Ngọc L.

Cùng các tài sản khác gắn liền trên đất.

Chị Nguyễn Thị Thùy Ng có nguyện vọng được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 2, tại thôn A, xã DK, huyện KB, tỉnh Đăk Lăk, tờ bản đồ số 03, thửa đất số 459, chiều ngang 6m, chiều dài 35m, diện tích 210m^2 (trong đó đất ở 60m^2 và đất màu 150m^2), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 665951 do UBND huyện cấp ngày 28/01/2016 cho hộ ông Nguyễn Cơ S và bà Nguyễn Thị Thùy Ng. Tài sản trên đất là một ngôi nhà xây cấp 4 được xây dựng năm 2016, có diện tích 5m x 12m = 60m^2. Vì trước đây khi vợ chồng còn chung sống với nhau, thì căn nhà này được dùng làm quán để chị làm nghề cắt tóc.

Còn thửa đất số 1 tại thôn A, xã DK, huyện KB, tỉnh Đăk Lăk, tờ bản đồ số 03, thửa đất số 301, chiều ngang 7m, chiều dài 50m, diện tích 350m^2 (trong đó đất ở 80m^2 và đất màu 270m^2), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 958746 do UBND huyện cấp ngày 12/02/2007 cho hộ ông Nguyễn Cơ S và bà Nguyễn Thị Thùy Ng. Tài sản trên đất là một ngôi nhà xây cấp 4 được xây dựng năm 2008, có diện tích 6m x 12m = 72m^2 có nguyện vọng giao cho anh Nguyễn Cơ S trực tiếp

quản lý và sử dụng vì đây là căn nhà để cả gia đình sinh sống và là nơi thờ tự.

Trong bản tự khai ngày 14/12/2018 và biên bản hòa giải ngày 17/12/2018 bị đơn là anh Nguyễn Cơ S trình bày:

Anh Nguyễn Cơ S đồng ý với ý kiến của cô Nguyễn Thị Thùy Ng là quá trình chung sống với nhau, anh và chị Nguyễn Thị Thùy Ng đã tạo dựng được khối tài sản như cô Ng đã trình bày ở trên. Tuy nhiên, việc cô Ng muốn phân chia tài sản chung thì anh không đồng ý. Vì khi giải quyết ly hôn, cả hai đã thống nhất tài sản để lại cho hai con, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu chia sau này các con không biết sẽ đi đâu, ở đâu. Khi anh vắng nhà cô Ng đã tự ý lấy tài sản trong nhà chuyển đi, không có sự đồng ý của anh nhưng anh vẫn chấp nhận cho cô Ng những tài sản đó, còn nhà cửa đất đai là không chia. Cô Ng muốn ở một trong hai căn nhà trên thì anh cũng đồng ý, còn bán thì tuyệt đối không được. Anh yêu cầu Tòa án giải quyết theo đúng sự thỏa thuận về việc không yêu cầu chia tài sản chung mà để lại cho các con đúng như thỏa thuận trong quyết định ly hôn, hiện tại các con chưa đủ 18 tuổi nên chưa thể quản lý được tài sản mà bố mẹ để lại.

Vào các ngày hòa giải 20/12/2018 và 05/3/2019, anh S vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, chị Ng còn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí định giá tài sản với số tiền là 1.200.000đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình, tiến hành lấy lời khai, kiểm

tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, tống đạt các văn bản, quyết định tố tụng cho đương sự đầy đủ; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa đúng thời hạn, quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án, tiến hành khai mạc phiên tòa, giới thiệu thành phần Hội đồng xét xử, giải thích quyền và nghĩa vụ của đương sự, thành phần Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã có mặt đầy đủ, không có trường hợp nào phải thay đổi hoặc phải từ chối tiến hành tố tụng.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án*:* Chị Ng khởi kiện yêu cầu anh S chia tài sản sau ly hôn là có căn cứ, đúng pháp luật, xét nhu cầu sử dụng nhà ở gắn liền với đất và các tài sản khác có trên đất.

Đề xuất: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Thùy Ng đề nghị được nhận thửa đất số 2, vì trên thửa đất này có một cái quán mà khi còn chung sống với anh S , chị Ng ở quán này để làm nghề cắt tóc. Còn thửa đất số 1 là nơi gia đình sinh sống, nơi thờ tự thì giao cho anh S . Để đảm bảo nhu cầu ở và phương tiện sinh sống. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, 4 Điều 213 Bộ luật dân sự; Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy Ng, đề nghị giao thửa đất số 2 tại thôn A, xã DK, huyện KB, tỉnh Đăk Lăk, tờ bản đồ số 03, thửa đất số 459, chiều ngang 6m, chiều dài 35m, diện tích 210m^2 (trong đó đất ở 60m^2 và đất màu 150m^2), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 665951 do UBND huyện cấp ngày 28/01/2016 cho hộ ông Nguyễn Cơ S và bà Nguyễn Thị Thùy Ng và căn nhà cùng các tài sản trên đất cho chị Nguyễn Thị

Thùy Ng quản lý và sử dụng còn giao thửa đất số 1 tại thôn A, xã DK, huyện KB, tỉnh Đăk Lăk, tờ bản đồ số 03, thửa đất số 301, chiều ngang 7m, chiều dài 50m, diện tích 350m^2 (trong đó đất ở 80m^2 và đất màu 270m^2), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 958746 do UBND huyện cấp ngày 12/02/2007 cho hộ ông Nguyễn Cơ S và bà Nguyễn Thị Thùy Ng cùng các tài sản trên đất cho anh Nguyễn Cơ S quản lý và sử dụng.

Về án phí: Cần buộc các đương sự phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

Về chi phí tố tụng khác: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc chị Nguyễn Thị Thùy Ng tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá tài sản với số tiền là 1.200.000đ (*một triệu hai trăm ngàn đồng*) .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Mặc dù, Tòa án đã tiến hành triệu tập anh Nguyễn Cơ S theo quy định của pháp luật. Nhưng đây là lần thứ hai tại phiên tòa, anh Nguyễn Cơ S vắng mặt không lý do. Việc anh Nguyễn Cơ S cố tình vắng mặt không đến Tòa án làm việc là tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Chị Nguyễn Thị Thùy Ng và anh Nguyễn Cơ S trước đây là vợ chồng nhưng đã ly hôn với nhau theo quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 61 ngày 03/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, Đăk Lăk.

Trong quá trình chung sống với nhau, chị Ng và anh S đã tạo dựng được những tài sản chung sau:

- Thửa đất số 1**:** Tại thôn A, xã DK, huyện KB, tỉnh Đăk Lăk, tờ bản đồ số 03, thửa đất số 301, chiều ngang 7m, chiều dài 50m, có tổng diện tích 350m^2 (trong đó đất ở 80m^2 và đất màu 270m^2), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 958746

do UBND huyện Krông Bông cấp ngày 12/02/2007 cho hộ ông Nguyễn Cơ S và bà Nguyễn Thị Thùy Ng. Tài sản trên đất là một ngôi nhà xây cấp 4, xây dựng năm 2008, có diện tích 6m x 12m = 72m^2, đất có tứ cận:

+ Phía Đông và phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Đức Th;

+ Phía Nam giáp đất ông Nguyễn Văn T;

+ Phía Tây giáp tỉnh lộ 9;

Cùng các tài sản khác gắn liền trên đất.

- Thửa đất số 2: Tại thôn A, xã DK, huyện KB, tỉnh Đăk Lăk. Tờ bản đồ số 03, thửa đất số 459, chiều ngang 6m, chiều dài 35m, diện tích 210m^2 (trong đó đất ở 60m^2 và đất màu 150m^2), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 665951 do UBND huyện cấp ngày 28/01/2016 cho hộ ông Nguyễn Cơ S và bà Nguyễn Thị Thùy Ng. Tài sản trên đất là một ngôi nhà xây cấp 4 được xây dựng năm 2016, diện tích 5m x 12m = 60m^2, đất có tứ cận:

+ Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Thành L;

+ Phía Nam giáp đất ông Nh;

+ Phía Tây giáp đường tỉnh lộ 9;

+ Phía Bắc giáp đất ông Lâm Ngọc L.

Cùng các tài sản khác gắn liền trên đất.

Tuy nhiên, khi vợ chồng ly hôn, do nghĩ rằng sẽ thỏa thuận được việc phân chia tài sản chung nên chị Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nhưng thực tế thì chị Ng và anh S đã không thỏa thuận được việc phân chia tài sản chung. Các tài sản trên đều là những tài sản mà hai vợ chồng chị Ng và anh S đã tạo dựng được trong thời kỳ hôn nhân.

Mặt khác, việc chị Ng đề nghị khi phân chia tài sản chung, chị có nhu cầu nhận thửa đất số 2 , trên thửa đất này có một căn nhà mà khi còn chung sống với anh S, căn nhà này thực chất là một cái quán để chị làm nghề cắt tóc, còn thửa đất số 2 là

nơi có nhà để cả gia đình ở nên to và rộng hơn, tiện nghi hơn và là nơi thờ tự nên giao cho anh S quản lý và sử dụng.

Hơn nữa, tại Biên bản định giá ngày 21/01/2019 thì thửa đất số 1 (thửa đất 301) cùng nhà và các tài sản trên đất có giá trị là : 492.648.551đ; Còn thửa đất số 2 (thửa đất số 459) cùng nhà và các tài sản trên đất có giá trị là 273.002.490đ (tính theo giá thị trường tại thời điểm định giá).

Như vậy, việc chị Ng đề nghị nhận thửa đất số 2 và giao cho anh S thửa đất số 1 cùng căn nhà và các tài sản trên đất là phù hợp với nhu cầu sử dụng và chị cũng nhận phần thua thiệt về mình. Yêu cầu này là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Anh S đồng ý là trong quá trình chung sống với nhau, vợ chồng anh đã tạo dựng được một số tài sản như ý kiến trình bày của cô Ng nhưng anh không đồng ý phân chia tài sản chung của vợ chồng vì cho rằng vợ chồng anh chị đã thống nhất tài sản để lại cho hai con. Tuy nhiên, anh S đã không đưa ra được bằng chứng cụ thể về việc thỏa thuận này. Vì vậy, việc anh S không đồng ý chia tài sản chung của vợ chồng cho chị Ng là không phù hợp với quy định của pháp luật nên không chấp nhận.

[3]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; điểm b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cần buộc chị Nguyễn Thị Thùy Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với giá trị tài sản được chia là **13.650.000đ** *(mười ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*) (làm tròn số). Được trừ vào số tiền tạm ứng mà chị Ngân đã nộp là 10.000.000đ theo biên lai số 0001941 ngày 04.12.2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Krông Bông. Như vậy, chị Ng còn phải nộp 3.650.000đ án phí sơ thẩm. Buộc anh Nguyễn Cơ S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với phần tài sản được chia là **23.706.000đ (***hai mươi ba triệu bảy trăm linh sáu nghìn đồng)* (làm tròn số)

[4]. Về chi phí tố tụng khác: Chị Nguyễn Thị Thùy Ng tự nguyện chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản là 1.200.000đ là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Chị Ng đã nộp đủ số tiền trên nên không đặt ra để giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 33; khoản 2, khoản 3 Điều 59; khoản 2 Điều 62 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 70, Điều 71 và Điều 72; khoản 2 Điều 147; điểm b khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 6; điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn của chị Nguyễn Thị Thùy Ng.

Giao cho chị Nguyễn Thị Thùy Ng được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng các tài sản sau:

Thửa đất số 2: Thửa đất số 459; tờ bản đồ số 03; diện tích: 210 m^2, trong đó: đất ở 60 m^2, đất màu: 150 m^2. Đã được UBND huyện Krông Bông cấp GCN QSD đất số BY665951 ngày 28/01/2016.

Địa chỉ thửa đất: Thôn A, xã DK, huyện KB, tỉnh Đắc Lắk

Vị trí thửa đất:

+ Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Thanh L, có cạnh dài: 6 m

+ Phía Tây giáp đường tỉnh lộ 09, có cạnh dài: 6 m

+ Phía Nam giáp đất ông Nh, có cạnh dài: 35 m

+ Phía Bắc giáp đất ông Lâm Ngọc L, có cạnh dài: 35 m

Tổng giá trị đất và các tài sản có trên đất tính theo giá thị trường tại thời điểm định giá là 273.002.490 đ (*Hai trăm bảy mươi ba triệu không trăm linh hai ngàn bốn trăm chín mươi đồng*).

Giao cho anh Nguyễn Cơ S được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng các tài sản sau:

Thửa đất số 1: Thửa đất số 301; tờ bản đồ số 03; diện tích: 350 m^2, trong đó: đất ở: 80m^2, đất màu: 270m^2. Đã được UBND huyện Krông Bông cấp GCN QSD đất số: AC958746, ngày 12/02/2007.

Địa chỉ thửa đất: Thôn A, xã DK, huyện KB, tỉnh Đắc Lắk

Vị trí thửa đất:

+ Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Đức Th, có cạnh dài: 7 m

+ Phía Tây giáp đường tỉnh lộ 09, có cạnh dài: 7 m

+ Phía Nam giáp đất ông Nguyễn Văn T, có cạnh dài: 50 m

+ Phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Đức Th, có cạnh dài: 50 m

Tổng giá trị tài sản nhà và đất và các tài sản gắn liền trên đất theo giá thị trường tại thời điểm định giá là: 492.648.551 đ (*bốn trăm chín hai triệu sáu trăm bốn tám ngàn năm trăm năm mốt đồng*).

[**2]. Về án phí**:

- Chị Nguyễn Thị Thùy Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với giá trị tài sản được chia là **13.650.000đ** *(mười ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*) (làm tròn số). Được trừ vào số tiền tạm ứng mà chị Ng đã nộp tạm ứng án phí là 10.000.000đ theo biên lai số 0001941 ngày 04.12.2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Krông Bông. Như vậy, chị Ng còn phải nộp 3.650.000đ án phí sơ thẩm.

- Anh Nguyễn Cơ S phải chịu 23.706.000đ **(***hai mươi ba triệu bảy trăm linh sáu nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[**3]. Quyền kháng cáo**: Nguyên đơn (có mặt) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

[4]. Về điều kiện thi hành án*:* Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND huyện;*
- *CQTHADS huyện;*
-*UBND xã Dang Kang;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

T/M – HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Huế

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÔNG
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 13/5/2019
V/v: "Chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân sau khi ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*:** Bà Trương Thị Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Nga: Phó chủ tịch Hội luật gia huyện

- Bà Hà Thị Huyền: Phó chủ tịch Hội phụ nữ huyện

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Nga – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Bông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Thanh – Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đăk Lăk xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 133/2018/TLST-HN&GĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018 về việc "Chia tài sản chung sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25/4/2019 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn***: Chị Nguyễn Thị Thùy Ng, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã DK, huyện KB, tỉnh Đăk Lăk

**** Bị đơn***: Anh Nguyễn Cơ S, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã DK, huyện KB, tỉnh Đăk Lăk

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/11/2018 cũng như trong quá trình tố tụng, nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Thùy Ng trình bày như sau:

Chị và anh Nguyễn Cơ S là vợ chồng nhưng đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 61/2018/QĐST-HNGĐ

ngày 03/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đăk Lăk. Khi giải quyết ly hôn, ngoài sự thỏa thuận về quan hệ hôn nhân, con chung, án phí thì chị và anh Nguyễn Cơ S còn thống nhất sẽ tự thỏa thuận phân chia về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên, sau khi ly hôn hai bên không thỏa thuận được việc phân chia tài sản chung. Do vậy, chị làm khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng.

Trong quá trình chung sống với nhau, chị và anh S đã tạo dựng được những tài sản chung sau: hai thửa đất, hai căn nhà xây cấp 4; các công trình trên hai thửa đất và các tài khác như xe mô tô, bàn ghế, tủ, giường, …….. Tuy nhiên, chị chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia hai thửa đất, hai căn nhà trên hai thửa đất, cụ thể như sau:

- Thửa đất số 1**:** Tại thôn A, xã DK, huyện KB, tỉnh Đăk Lăk, tờ bản đồ số 03, thửa đất số 301, chiều ngang 7m, chiều dài 50m, có tổng diện tích 350m^2 (trong đó đất ở 80m^2 và đất màu 270m^2), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 958746 do UBND huyện KB cấp ngày 12/02/2007 cho hộ ông Nguyễn Cơ S và bà Nguyễn Thị Thùy Ng. Tài sản trên đất là một ngôi nhà xây cấp 4, xây dựng năm 2008, có diện tích 6m x 12m = 72m^2, đất có tứ cận:

+ Phía Đông và phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Đức Th;

+ Phía Nam giáp đất ông Nguyễn Văn T;

+ Phía Tây giáp tỉnh lộ 9;

Cùng các tài sản khác gắn liền trên đất.

- Thửa đất số 2: Tại thôn A, xã DK, huyện KB, tỉnh Đăk Lăk. Tờ bản đồ số 03, thửa đất số 459, chiều ngang 6m, chiều dài 35m, diện tích 210m^2 (trong đó đất ở 60m^2 và đất màu 150m^2), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 665 951 do UBND huyện cấp ngày 28/01/2016 cho hộ ông Nguyễn Cơ S và bà Nguyễn Thị Thùy Ng. Tài sản trên đất là một ngôi nhà xây cấp 4 được xây dựng năm 2016, diện tích 5m x 12m = 60m^2, đất có tứ cận:

+ Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Thành L;

+ Phía Nam giáp đất ông Nh;

+ Phía Tây giáp đường tỉnh lộ 9;

+ Phía Bắc giáp đất ông Lâm Ngọc L.

Cùng các tài sản khác gắn liền trên đất.

Chị Nguyễn Thị Thùy Ng có nguyện vọng được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 2, tại thôn A, xã DK, huyện KB, tỉnh Đăk Lăk, tờ bản đồ số 03, thửa đất số 459, chiều ngang 6m, chiều dài 35m, diện tích 210m^2 (trong đó đất ở 60m^2 và đất màu 150m^2), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 665951 do UBND huyện cấp ngày 28/01/2016 cho hộ ông Nguyễn Cơ S và bà Nguyễn Thị Thùy Ng. Tài sản trên đất là một ngôi nhà xây cấp 4 được xây dựng năm 2016, có diện tích 5m x 12m = 60m^2. Vì trước đây khi vợ chồng còn chung sống với nhau, thì căn nhà này được dùng làm quán để chị làm nghề cắt tóc.

Còn thửa đất số 1 tại thôn A, xã DK, huyện KB, tỉnh Đăk Lăk, tờ bản đồ số 03, thửa đất số 301, chiều ngang 7m, chiều dài 50m, diện tích 350m^2 (trong đó đất ở 80m^2 và đất màu 270m^2), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 958746 do UBND huyện cấp ngày 12/02/2007 cho hộ ông Nguyễn Cơ S và bà Nguyễn Thị Thùy Ng. Tài sản trên đất là một ngôi nhà xây cấp 4 được xây dựng năm 2008, có diện tích 6m x 12m = 72m^2 có nguyện vọng giao cho anh Nguyễn Cơ S trực tiếp quản lý và sử dụng vì đây là căn nhà để cả gia đình sinh sống và là nơi thờ tự.

Trong bản tự khai ngày 14/12/2018 và biên bản hòa giải ngày 17/12/2018 bị đơn là anh Nguyễn Cơ S trình bày:

Anh Nguyễn Cơ S đồng ý với ý kiến của cô Nguyễn Thị Thùy Ng là quá trình chung sống với nhau, anh và chị Nguyễn Thị Thùy Ng đã tạo dựng được khối tài sản như cô Ng đã trình bày ở trên. Tuy nhiên, việc cô Ng muốn phân chia tài sản chung thì anh không đồng ý. Vì khi giải quyết ly hôn, cả hai đã thống nhất tài sản để lại cho hai con, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu chia sau này các con không

biết sẽ đi đâu, ở đâu. Khi anh vắng nhà cô Ng đã tự ý lấy tài sản trong nhà chuyển đi, không có sự đồng ý của anh nhưng anh vẫn chấp nhận cho cô Ng những tài sản đó, còn nhà cửa đất đai là không chia. Cô Ng muốn ở một trong hai căn nhà trên thì anh cũng đồng ý, còn bán thì tuyệt đối không được. Anh yêu cầu Tòa án giải quyết theo đúng sự thỏa thuận về việc không yêu cầu chia tài sản chung mà để lại cho các con đúng như thỏa thuận trong quyết định ly hôn, hiện tại các con chưa đủ 18 tuổi nên chưa thể quản lý được tài sản mà bố mẹ để lại.

Vào các ngày hòa giải 20/12/2018 và 05/3/2019, anh S vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, chị Ng còn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí định giá tài sản với số tiền là 1.200.000đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình, tiến hành lấy lời khai, kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, tống đạt các văn bản, quyết định tố tụng cho đương sự đầy đủ; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa đúng thời hạn, quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án, tiến hành khai mạc phiên tòa, giới thiệu thành phần Hội đồng xét xử, giải thích quyền và nghĩa vụ của đương sự, thành phần Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã có mặt đầy đủ, không có trường hợp nào phải thay đổi hoặc phải từ chối tiến hành tố tụng.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án*:* Chị Ng khởi kiện yêu cầu anh S chia tài sản sau ly hôn là có căn cứ, đúng pháp luật, xét nhu cầu sử dụng nhà ở gắn liền với đất và các tài sản khác có trên đất.

Đề xuất: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Thùy Ng đề nghị được nhận thửa đất số 2, vì trên thửa đất này có một cái quán mà khi còn chung sống với anh S , chị Ng ở quán này để làm nghề cắt tóc. Còn thửa đất số 1 là nơi gia đình sinh sống, nơi thờ tự thì giao cho anh S . Để đảm bảo nhu cầu ở và phương tiện sinh sống. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, 4 Điều 213 Bộ luật dân sự; Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy Ng, đề nghị giao thửa đất số 2 tại thôn A, xã DK, huyện KB, tỉnh Đăk Lăk, tờ bản đồ số 03, thửa đất số 459, chiều ngang 6m, chiều dài 35m, diện tích 210m^2 (trong đó đất ở 60m^2 và đất màu 150m^2), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 665951 do UBND huyện cấp ngày 28/01/2016 cho hộ ông Nguyễn Cơ S và bà Nguyễn Thị Thùy Ng và căn nhà cùng các tài sản trên đất cho chị Nguyễn Thị Thùy Ng quản lý và sử dụng còn giao thửa đất số 1 tại thôn A, xã DK, huyện KB, tỉnh Đăk Lăk, tờ bản đồ số 03, thửa đất số 301, chiều ngang 7m, chiều dài 50m, diện tích 350m^2 (trong đó đất ở 80m^2 và đất màu 270m^2), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 958746 do UBND huyện cấp ngày 12/02/2007 cho hộ ông Nguyễn Cơ S và bà Nguyễn Thị Thùy Ng cùng các tài sản trên đất cho anh Nguyễn Cơ S quản lý và sử dụng.

Về án phí: Cần buộc các đương sự phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

Về chi phí tố tụng khác: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc chị Nguyễn Thị Thùy Ng tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá tài sản với số tiền là 1.200.000đ (*một triệu hai trăm ngàn đồng*) .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Mặc dù, Tòa án đã tiến hành triệu tập anh Nguyễn Cơ S theo quy định của pháp luật. Nhưng đây là lần thứ hai tại phiên tòa, anh Nguyễn Cơ S vắng mặt không lý do. Việc anh Nguyễn Cơ S cố tình vắng mặt không đến Tòa án làm việc là tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Chị Nguyễn Thị Thùy Ng và anh Nguyễn Cơ S trước đây là vợ chồng nhưng đã ly hôn với nhau theo quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 61 ngày 03/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, Đăk Lăk.

Trong quá trình chung sống với nhau, chị Ng và anh S đã tạo dựng được những tài sản chung sau:

- Thửa đất số 1**:** Tại thôn A, xã DK, huyện KB, tỉnh Đăk Lăk, tờ bản đồ số 03, thửa đất số 301, chiều ngang 7m, chiều dài 50m, có tổng diện tích 350m^2 (trong đó đất ở 80m^2 và đất màu 270m^2), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 958746 do UBND huyện Krông Bông cấp ngày 12/02/2007 cho hộ ông Nguyễn Cơ S và bà Nguyễn Thị Thùy Ng. Tài sản trên đất là một ngôi nhà xây cấp 4, xây dựng năm 2008, có diện tích 6m x 12m = 72m^2, đất có tứ cận:

+ Phía Đông và phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Đức Th;

+ Phía Nam giáp đất ông Nguyễn Văn T;

+ Phía Tây giáp tỉnh lộ 9;

Cùng các tài sản khác gắn liền trên đất.

- Thửa đất số 2: Tại thôn A, xã DK, huyện KB, tỉnh Đăk Lăk. Tờ bản đồ số 03, thửa đất số 459, chiều ngang 6m, chiều dài 35m, diện tích 210m^2 (trong đó đất ở 60m^2 và đất màu 150m^2), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 665951 do UBND huyện cấp ngày 28/01/2016 cho hộ ông Nguyễn Cơ S và bà Nguyễn Thị Thùy Ng. Tài sản trên đất là một ngôi nhà xây cấp 4 được xây dựng năm 2016, diện tích 5m x 12m = 60m^2, đất có tứ cận:

+ Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Thành L;

+ Phía Nam giáp đất ông Nh;

+ Phía Tây giáp đường tỉnh lộ 9;

+ Phía Bắc giáp đất ông Lâm Ngọc L.

Cùng các tài sản khác gắn liền trên đất.

Tuy nhiên, khi vợ chồng ly hôn, do nghĩ rằng sẽ thỏa thuận được việc phân chia tài sản chung nên chị Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nhưng thực tế thì chị Ng và anh S đã không thỏa thuận được việc phân chia tài sản chung. Các tài sản trên đều là những tài sản mà hai vợ chồng chị Ng và anh S đã tạo dựng được trong thời kỳ hôn nhân.

Mặt khác, việc chị Ng đề nghị khi phân chia tài sản chung, chị có nhu cầu nhận thửa đất số 2 , trên thửa đất này có một căn nhà mà khi còn chung sống với anh S, căn nhà này thực chất là một cái quán để chị làm nghề cắt tóc, còn thửa đất số 2 là nơi có nhà để cả gia đình ở nên to và rộng hơn, tiện nghi hơn và là nơi thờ tự nên giao cho anh S quản lý và sử dụng.

Hơn nữa, tại Biên bản định giá ngày 21/01/2019 thì thửa đất số 1 (thửa đất 301) cùng nhà và các tài sản trên đất có giá trị là : 492.648.551đ; Còn thửa đất số 2 (thửa đất số 459) cùng nhà và các tài sản trên đất có giá trị là 273.002.490đ (tính theo giá thị trường tại thời điểm định giá).

Như vậy, việc chị Ng đề nghị nhận thửa đất số 2 và giao cho anh S thửa đất số 1 cùng căn nhà và các tài sản trên đất là phù hợp với nhu cầu sử dụng và chị cũng nhận phần thua thiệt về mình. Yêu cầu này là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Anh S đồng ý là trong quá trình chung sống với nhau, vợ chồng anh đã tạo dựng được một số tài sản như ý kiến trình bày của cô Ng nhưng anh không đồng ý phân chia tài sản chung của vợ chồng vì cho rằng vợ chồng anh chị đã thống nhất tài sản để lại cho hai con. Tuy nhiên, anh S đã không đưa ra được bằng chứng cụ thể về việc thỏa thuận này. Vì vậy, việc anh S không đồng ý chia tài sản chung của vợ chồng cho chị Ng là không phù hợp với quy định của pháp luật nên không chấp nhận.

[3]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; điểm b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cần buộc chị Nguyễn Thị Thùy Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với giá trị tài sản được chia là **13.650.000đ** *(mười ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*) (làm tròn số). Được trừ vào số tiền tạm ứng mà chị Ngân đã nộp là 10.000.000đ theo biên lai số 0001941 ngày 04.12.2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Krông Bông. Như vậy, chị Ng còn phải nộp 3.650.000đ án phí sơ thẩm. Buộc anh Nguyễn Cơ S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với phần tài sản được chia là **23.706.000đ (***hai mươi ba triệu bảy trăm linh sáu nghìn đồng)* (làm tròn số)

[4]. Về chi phí tố tụng khác: Chị Nguyễn Thị Thùy Ng tự nguyện chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản là 1.200.000đ là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Chị Ng đã nộp đủ số tiền trên nên không đặt ra để giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 33; khoản 2, khoản 3 Điều 59; khoản 2 Điều 62 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 70, Điều 71 và Điều 72; khoản 2 Điều 147; điểm b khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 6; điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn của chị Nguyễn Thị Thùy Ng.

Giao cho chị Nguyễn Thị Thùy Ng được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng các tài sản sau:

Thửa đất số 2: Thửa đất số 459; tờ bản đồ số 03; diện tích: 210 m^2, trong đó: đất ở 60 m^2, đất màu: 150 m^2. Đã được UBND huyện Krông Bông cấp GCN QSD đất số BY665951 ngày 28/01/2016.

Địa chỉ thửa đất: Thôn A, xã DK, huyện KB, tỉnh Đắc Lắk

Vị trí thửa đất:

+ Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Thanh L, có cạnh dài: 6 m

+ Phía Tây giáp đường tỉnh lộ 09, có cạnh dài: 6 m

+ Phía Nam giáp đất ông Nh, có cạnh dài: 35 m

+ Phía Bắc giáp đất ông Lâm Ngọc L, có cạnh dài: 35 m

Tổng giá trị đất và các tài sản có trên đất tính theo giá thị trường tại thời điểm định giá là 273.002.490 đ (*Hai trăm bảy mươi ba triệu không trăm linh hai ngàn bốn trăm chín mươi đồng*).

Giao cho anh Nguyễn Cơ S được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng các tài sản sau:

Thửa đất số 1: Thửa đất số 301; tờ bản đồ số 03; diện tích: 350 m^2, trong đó: đất ở: 80m^2, đất màu: 270m^2. Đã được UBND huyện Krông Bông cấp GCN QSD đất số: AC958746, ngày 12/02/2007.

Địa chỉ thửa đất: Thôn A, xã DK, huyện KB, tỉnh Đắc Lắk

Vị trí thửa đất:

+ Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Đức Th, có cạnh dài: 7 m

+ Phía Tây giáp đường tỉnh lộ 09, có cạnh dài: 7 m

+ Phía Nam giáp đất ông Nguyễn Văn T, có cạnh dài: 50 m

+ Phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Đức Th, có cạnh dài: 50 m

Tổng giá trị tài sản nhà và đất và các tài sản gắn liền trên đất theo giá thị trường tại thời điểm định giá là: 492.648.551 đ (*bốn trăm chín hai triệu sáu trăm bốn tám ngàn năm trăm năm mốt đồng*).

[**2]. Về án phí**:

- Chị Nguyễn Thị Thùy Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với giá trị tài sản được chia là **13.650.000đ** *(mười ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*) (làm tròn số). Được trừ vào số tiền tạm ứng mà chị Ng đã nộp tạm ứng án phí là 10.000.000đ theo biên lai số 0001941 ngày 04.12.2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Krông Bông. Như vậy, chị Ng còn phải nộp 3.650.000đ án phí sơ thẩm.

- Anh Nguyễn Cơ S phải chịu 23.706.000đ **(***hai mươi ba triệu bảy trăm linh sáu nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[3]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn (có mặt) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

[4]. Về điều kiện thi hành án*:* Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người

phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND huyện;*
- *CQTHADS huyện;*
-*UBND xã Dang Kang;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

T/M – HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Huế